**PHỤ LỤC KHUNG NỘI DUNG THIẾT KẾ BÀI DẠY MÔN NGỮ VĂN**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày /8/2025 của Sở GDĐT)*

**I. Sách giáo khoa lớp 10**

Bộ sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam được phê duyệt theo Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Điện Biên (môn Tiếng Anh sử dụng sách giáo khoa Tiếng Anh 10 Global Success).

**II. Nội dung thiết kế bài dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề/Bài học** | | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1** | **Bài 1. Sức hấp dẫn của truyện kể**  **(11 tiết)** |  |  | - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện nói chung và thần thoại nói riêng như: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật.  - Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm truyện.  - Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện.  - Sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng. |
|  | **Đọc VB 1,2,3: *Truyện về các vị thần sáng tạo thế giới*** | 1-2 | – HS nhận biết được đặc điểm cơ bản của truyện thần thoại nói chung và của từng nhóm truyện: thần thoại suy nguyên, thần thoại sáng tạo.  – HS nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản của chùm truyện về các vị thần sáng tạo thế giới: cốt truyện, thời gian, không gian, nhân vật.  – HS hiểu được cách nhận thức, lí giải thế giới tự nhiên của người xưa; thấy được vẻ đẹp “một đi không trở lại” làm nên sức hấp dẫn riêng của thể loại thần thoại |
| **Đọc VB 4: *Tản Viên từ Phán sự lục* (*Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* – Nguyễn Dữ)** | 3-4 | – HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện (truyền kì): cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, chi tiết; qua đó hiểu được vai trò của các yếu tố này trong việc tạo nên sức hấp dẫn của truyện kể.  – HS phân tích và đánh giá được chủ đề của truyện, hiểu được tư tưởng và những thông điệp mà Nguyễn Dữ gửi gắm vào tác phẩm.  – Hình thành, bồi đắp cho HS lòng can đảm, tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải |
|  | **Đọc VB 5: Chữ người tử tù (Nguyễn Tuân)** | 5-7 | – HS nhận biết được lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật; phân tích được bối cảnh, tình huống truyện. – HS khái quát được đặc điểm tính cách của hai nhân vật Huấn Cao và quản ngục; hiểu được chủ đề của tác phẩm.  – Góp phần hình thành, bồi đắp cho HS tình yêu, sự trân trọng cái đẹp và sự tài hoa |
| **Thực hành tiếng Việt: Sử dụng từ Hán Việt** | 8 | – HS biết cách giải nghĩa từ Hán Việt, tránh được lỗi dùng từ sai nghĩa.  – HS nhận biết được hiệu quả sử dụng từ Hán Việt. |
| **Viết: Viết VB nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm truyện (Chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật):** Hướng dẫn viết, HS làm bài ở nhà | 9-10 | – HS nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện và viết được bài văn thuộc kiểu văn bản này.  – HS nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đối với kiểu bài như đã nêu trong SGK.  – Trả bài viết (HS thực hiện ở nhà): HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn.  – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài. |
| - Thực hành đọc: *Tê-dê* (Trích *Thần thoại Hy Lạp*, Ê-đi Ha-min-tơn-Edith Hamilton) |  | - HS tự đọc ở nhà, tìm hiểu văn bản *Tê-dê* *(Trích Thần thoại Hy Lạp, Ê-đi Ha-min-tơn-Edith Hamilton)*, nhận biết được một số yếu tố của thần thoại trong đoạn trích. |
| **Nói và nghe: Giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm truyện** | 11 | – HS biết giới thiệu, đánh giá (dưới hình thức thuyết trình) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện (theo lựa chọn cá nhân). HS biết lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng.  – HS nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đã nêu trong SGK. Trong đó, yêu cầu thứ nhất đề cập đến nội dung của bài nói, yêu cầu thứ hai đề cập đến hình thức của bài nói. |
| **2** | **Bài 2. Vẻ đẹp của thơ ca**  **(11 tiết)** |  |  | - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tỉnh (chủ thể trữ tình).  - Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thơ thuộc hai nền văn hoá khác nhau.  - Nhận biết được lỗi dùng từ và lỗi về trật tự từ, biết cách sửa những lỗi đó.  - Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm thơ.  - Biết thuyết trình (giới thiệu đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.  - Biết nuôi dưỡng đời sống tâm hồn phong phú, có khả năng rung động trước vẻ đẹp của cuộc sống. |
| **Đọc VB 1,2,3: Chùm thơ hai-cư Nhật Bản** | 12 | – HS nhận diện được hình thức thơ hai-cư.  – HS nhận diện và đánh giá được sức hấp dẫn của thơ hai-cư nói riêng, của thơ ca nói chung trên hai phương diện: sức gợi của hình ảnh và của hình thức ngôn từ cô đọng, hàm súc.  – HS hình thành được thái độ trân trọng, nâng niu, rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên, sự sống. |
| **Đọc VB 4: *Thu hứng* (*Cảm xúc mùa thu* – Đỗ Phủ)** | 13 | – HS nhận diện, phân tích, đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ Đường luật viết bằng chữ Hán như từ ngữ, hình ảnh, vần, đối, nhân vật trữ tình,... trong thơ cổ.  – HS nhận biết được một số điểm gần gũi về nội dung giữa những tác phẩm thơ thuộc các nền văn hoá khác nhau, trong cùng thời kì trung đại, qua tìm hiểu tác phẩm *Thu hứng* (đại diện cho thơ Đường, Trung Quốc), chùm thơ hai-cư (Nhật Bản) và một số bài thơ trung đại Việt Nam (đã học).  –HS viết được văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về một số phương diện chính của một bài thơ cổ phương Đông như chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.  – HS nhận biết được sức sống, sự tác động và khả năng khơi gợi sự rung động thẩm mĩ, giúp nuôi dưỡng đời sống tâm hồn của thơ Đường luật (luật thi). |
|  | **Đọc VB 5: *Mùa xuân chín* (Hàn Mặc Tử)** | 14-15 | – HS nhận diện và phân tích được giá trị thẩm mĩ của tổ chức ngôn từ trong thơ bao gồm: nhịp điệu, nhạc điệu, các cách kết hợp từ ngữ độc đáo.  – HS hình thành được ý niệm về thơ hiện đại trong sự phân biệt với các hình thái thơ ca cổ điển đã giới thiệu trước đó.  – HS biết liên hệ, so sánh các tác phẩm văn học thuộc các truyền thống, các thời kì văn hoá khác nhau.  – HS hình thành được khả năng đồng cảm với thế giới cảm xúc của con người. |
| **Đọc VB 6: *Bản hoà âm ngôn từ trong Tiếng thu của Lưu Trọng Lư* (Chu Văn Sơn)** | 16 | –HS hệ thống hoá lại các đơn vị kiến thức về đặc trưng của thơ và phương pháp để đánh giá giá trị thẩm mĩ của một tác phẩm thơ.  –HS nhận diện được các bước đi, các thao tác cần thiết để viết một bài nghị luận về thơ ca. – HS củng cố và mở rộng những hiểu biết của bản thân về phong trào Thơ mới. |
| **Thực hành tiếng Việt: Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa** | 17 | – HS nhận diện được các lỗi dùng từ, lỗi trật tự từ trong câu và biết cách sửa lỗi.  – HS phân biệt được lỗi dùng từ, lỗi trật tự từ trong câu với một số biện pháp tu từ thường được dùng trong các văn bản văn học.  – HS biết cách tra từ điển để hiểu nghĩa của từ, tránh được những lỗi sai khi dùng từ.  – HS biết được bối cảnh giao tiếp để từ đó biết cách dùng từ, đặt câu hợp lí. |
|  | **Viết: Viết văn bản nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm thơ**  – Hướng dẫn viết, HS làm bài tại lớp | 18-20 | – Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn.  – Nêu khái quát đặc điểm đặc sắc, thú vị trong bài thơ- vấn đề được tập trung phân tích và đánh giá.  – Làm sáng tỏ khía cạnh cụ thể của điểm được xem là đặc sắc, thú vị trong bài thơ.  – Khái quát ý nghĩa của vấn đề nghị luận và khẳng định giá trị chung của bài thơ.  - GV nhận xét, sửa chữa; HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn; rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài. |
| - Thực hành đọc: *Cánh đồng* (Ngân Hoa): HS tự đọc |  | – HS tự đọc ở nhà văn bản*Cánh đồng* (Ngân Hoa);nhận biết được nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ. |
| **Nói và nghe: Giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ** | 21 | –Nắm được đặc trưng của kiểu bài thuyết trình.  –Biết cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ràng ý kiến cá nhân về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ.  – Biết điều tiết giọng nói và ngôn ngữ cơ thể, kết hợp nhịp nhàng với các thao tác trình chiếu (trong điều kiện có thể) để truyền đạt thông tin đến người nghe. – Biết lắng nghe, thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ. |
| **3** | **Bài 3. Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận (9 tiết) + ôn tập, kiểm tra giữa kì (4 tiết)** |  |  | - Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.  - Xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận; dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.  - Biết nhận ra và khắc phục những lỗi về mạch lạc liên kết trong văn bản.  - Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.  - Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau.  - Có thái độ quý trọng hiền tài, biết đồng cảm với người khác và sống có trách nhiệm. |
|  | **Đọc VB 1: *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia***(Trích -Thân Nhân Trung) | 22-23 | – HS nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam.  – HS phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa, giá trị của văn bản.  – HS có thái độ ứng xử đúng đắn với những bậc hiền tài, biết bày tỏ quan điểm riêng về các chính sách trọng dụng nhân tài . |
| **Đọc VB 2: *Yêu và đồng cảm* (Trích – Phong Tử Khải)** | 24-25 | – HS hiểu được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề.  – HS cảm nhận được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản.  – HS hiểu được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật. |
|  | **Ôn tập, kiểm tra giữa kì 1** | **Ôn tập kiểm tra giữa kì** | 26-27 | – Củng cố, hệ thống hóa các kiến thức ngữ văn đã học trong chương trình  – Biết cách vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học để hoàn thành tốt bài KT giữa kì I  – Tích cực, nghiêm túc trong quá trình ôn tập |
| **KT giữa kì 1** | 28-29 | Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi:  – Đọc hiểu: truyện  – Tiếng Việt: lỗi dùng từ, trật tự từ; lỗi về mạch lạc và liên kết,…  – Viết: viết bài nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc vấn đề rút ra từ tác phẩm truyện. |
|  |  | **Đọc VB 3: *Chữ bầu lên nhà thơ* (Trích – Lê Đạt)** | 30 | – HS nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận bàn về một vấn đề văn học.  – HS phân tích được quan niệm độc đáo của nhà thơ Lê Đạt về yếu tố then chốt trong sáng tạo thơ, cũng là yếu tố làm nên “khuôn mặt“ riêng biệt của thơ so với các loại hình sáng tác ngôn từ khác.  – HS nhận thức đầy đủ hơn về lao động thơ và về nhà thơ. |
| **Thực hành tiếng Việt: Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản** | 31 | – HS củng cố được kiến thức về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.  – HS nhận biết được những lỗi mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản; biết được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa. |
| **Viết: Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm**  – Hướng dẫn viết  - HS làm bài ở nhà | 32-34 | – HS hiểu được những đặc điểm và yêu cầu của một bài luận thuyết phục.  – HS biết thực hành viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm theo các bước được hướng dẫn.  - GV nhận xét, sửa chữa; HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn; rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài. |
| - Thực hành đọc mở rộng: *Thế giới mạng & tôi* (Trích – Nguyễn Thị Hậu) |  | – Hướng dẫn HS tự đọc ở nhà, tìm hiểu nội dung, nghệ thuật cơ bản của văn bản *Thế giới mạng & tôi* (Trích – Nguyễn Thị Hậu) lưu ý những yêu cầu khi đọc VB theo gợi ý SGK. |
| **Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau** | 35 | – HS biết cách tham gia cuộc thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau (tham gia với tư cách người phát biểu ý kiến hay với tư cách người nghe – hai tư cách này thường có sự hoán vị liên tục trong cuộc thảo luận).  – HS biết trình bày ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với những người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề xã hội đã xác định. |
| **4** | **Bài 4. Sức sống của sử thi (9 tiết)** |  |  | - Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ giữa chúng; nêu được ý nghĩa của tác phẩm đối với người đọc.  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Hiểu được cách đánh dấu phần bị tinh lược trong văn bản, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú.  - Viết được báo cáo nghiên cứu có sử dụng tích dẫn, cước chú; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.  - Biết trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề  - Biết trân trọng các giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong những sáng tác ngôn từ thời cổ đại còn truyền đến nay. |
| **Đọc VB 1: *Héc-to từ biệt Ăng-đrô-mác* (Trích *I-li-át* – Hô-me-rơ )** | 36-37 | – Nhận biết và phân tích được một số yếu tố đặc trưng của thể loại sử thi được thể hiện trong văn bản như nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian, lời kể sử thi.  – Hiểu được đặc sắc của văn hoá Hy Lạp cổ đại qua sử thi *I-li-át*.  – Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  – Hiểu được ảnh hưởng của sử thi *I-li-át* trong văn hoá của nhân loại và ý nghĩa, giá trị của sử thi đối với đời sống đương đại. |
| **Đọc VB 2: *Đăm Săn đi bắt Nữ Thần Mặt Trời* (Trích *Đăm Săn* – Sử thi Ê-đê)** | 38-40 | – Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  – Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, biết phân tích các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  – Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.  – Biết trân trọng những giá trị tinh thần to lớn được thể hiện trong sử thi. |
|  | **Thực hành tiếng Việt: Sử dụng trích dẫn, cước chú và đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản** | 41 | *–* HS hiểu được cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản.  *–* HS hiểu được cách sử dụng trích dẫn và ghi cước chú. |
| **Viết: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề**  *–* Hướng dẫn viết, HS thực hiện báo cáo nghiên cứu ở nhà | 42-43 | *–* HS biết cách viết được cấu trúc của một báo cáo nghiên cứu. *–* HS hiểu được quy trình, cách thức viết một báo cáo nghiên cứu.  *–* HS hiểu được những quy định về sở hữu trí tuệ để tránh đạo văn.  *–* HS biết vận dụng các phương tiện phù hợp để hỗ trợ cho việc biểu đạt thông tin trong báo cáo nghiên cứu.  - GV nhận xét, sửa chữa; HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn; rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài. |
| - Thực hành đọc: *Ra-ma buộc tội* (Trích *Ra-ma-ya-na* – Van-mi-ki) |  | – HS tự đọc ở nhà, nhận biết được nội dung, nghệ thuật của đoạn trích *Ra-ma buộc tội* (Trích *Ra-ma-ya-na* – Van-mi-ki). |
| **Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề** | 44 | – HS hiểu được ý nghĩa của việc báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức thuyết trình một hoạt động tiếp nối việc viết báo cáo nghiên cứu đã thực hiện trước đó.  – HS nắm vững cách thuyết trình về kết quả nghiên cứu đã đạt được để có thể khơi dậy sự chia sẻ tích cực ở người nghe. |
| **5** | **Bài 5. Tích trò sân khấu dân gian (5 tiết)** |  |  | - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản được học.  - Hiểu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân.  - Viết được báo cáo nghiên cứu, có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.  - Biết lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu.  - Có thái độ trân trọng đối với những di sản nghệ thuật quý báu mà ông cha truyền lại. |
| **Đọc VB 1: *Xuý Vân giả dại* (Trích chèo *Kim Nham*)** | 45 | – HS nắm được một số nét đặc trưng của nghệ thuật chèo truyền thống thể hiện qua đoạn trích trên các phương diện: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại.  HS hiểu được văn bản ngôn từ thể hiện tích truyện là yếu tố quan trọng nhất làm nền cho hoạt động biểu diễn của một vở chèo.  – HS đồng cảm với khát vọng hạnh phúc, khát vọng sống thật với mình được gửi gắm qua hình tượng nhân vật Xuý Vân. |
| **Đọc VB 2: *Huyện đường* (Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*)** | 46 | – HS nhận biết, phân tích được một số đặc điểm của tuồng dân gian thể hiện qua đoạn trích trên các phương diện: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại.  – HS cảm nhận được ý vị hài hước, châm biếm của cảnh tuồng *Huyện đường*. |
| **Đọc VB 3: *Múa rối nước - hiện đại soi bóng tiền nhân***(Phạm Thùy Dung) | 47 | – HS củng cố được kiến thức về đặc điểm của văn bản thông tin có nội dung thuyết minh về một sự vật, hiện tượng.  – HS hiểu được đặc sắc của rối nước – một loại hình nghệ thuật biểu diễn đã cùng với chèo, tuồng làm nên những giá trị độc đáo của nền sân khấu cổ truyền Việt Nam. |
| **Viết: Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam)**  – Hướng dẫn viết, HS thực hiện báo cáo nghiên cứu ở nhà | 48 | – HS củng cố được những hiểu biết về một báo cáo nghiên cứu với những yêu cầu đặc thù về nội dung và hình thức (đã học ở Bài 4 – *Sức sống của sử thi*).  – HS biết cách viết báo cáo nghiên cứu đơn giản về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam tự chọn. |
|  | **Nói và nghe: Lắng nghe và phản hồi về kết quả thuyết trình một bài nghiên cứu** | 49 | – HS hiểu rõ mục đích viết của tác giả có báo cáo nghiên cứu được thuyết trình.  – HS nắm bắt đúng và đánh giá được các nội dung cơ bản của bài thuyết trình (vấn đề nghiên cứu, các luận điểm hay kết quả nghiên cứu đạt được,...).  – HS nắm bắt đúng và đánh giá được đặc điểm cấu trúc của bài thuyết trình cũng như quá trình viết, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu của tác giả.  – HS hiểu và nhận xét được cách tác giả sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ, hình ảnh, số liệu, sơ đồ, bảng biểu,... khi thuyết trình về kết quả nghiên cứu.  – HS thể hiện thái độ trân trọng tác giả của báo cáo nghiên cứu và kết quả mà tác giả đã đạt được. |
| Thực hành đọc: *Hồn thiêng đưa đường* (Trích tuồng *Sơn Hậu*) |  | **-** HS tự đọc ở nhà theo lưu ý cần đạt của văn bản *Hồn thiêng đưa đường* (Trích tuồng *Sơn Hậu*). |
| **6** | **Ôn tập cuối kì I** |  | 50-51 | – Hệ thống hoá những kiến thức đã được học trong SGK *Ngữ văn 10*, tập một.  – Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập. |